TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày 28-3-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Tuân.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Hòe và ông Nguyễn Hoài Phương.
- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Kháng A C; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Bị đơn: Ông Ma Seo N; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Sùng Thị Dế; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.
- Bà Chố Thị Do; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Kháng A C, bà Sùng Thị D: Ông Kháng A N1; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày16/3/2018). Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Chố Thị D1: Ông Ma Seo N; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/3/2018). Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Kháng A C: Bà Bùi Thị H và bà Nguyễn Thị X – Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Kháng A N1 trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp với ông Ma Seo N là do ông Kháng A C được UBND huyện Đắk Nông giao theo diện bố trí tái định cư cho dân di cư vào năm 2001, diện tích đất được giao theo mặt đường là 20m; vị trí đất được giao gần cống thoát nước nên khi canh tác sử dụng ông C phát dọn thêm, vì vậy khi cấp giấy chứng nhận QSDĐ có chiều dài mặt đường là 23,49m; ông C sử dụng đất ổn định, làm nhà trên đất vào năm 2001, trồng cà phê năm 2007; đến năm 2013 vợ chồng ông được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BS 300552 ngày 27/11/2013 mang tên Kháng A C và Sùng Thị D có diện tích là 1.546m^2 thuộc thửa đất số 41 tờ bản đồ số 6, có tứ cận: Phía đông giáp đường nhựa, phía tây giáp đất nghĩa địa, phía nam giáp đất ông M, phía bắc giáp đất ông Ch. Năm 2014, ông Ma Seo N nói với ông C diện tích đất trên là do ông N mua của người khác, đến năm 2016 ông N yêu cầu vợ chồng C trả lại đất nên hai bên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, ông Kháng A C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ma Seo N chấm dứt hành vi vi phạm, chiếm đất của gia đình ông bất hợp pháp; bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả với tổng số tiền là 4.242.092 đồng gồm các khoản: thu nhập bị mất trong 19 ngày đi gửi đơn tại Tòa án, UBND huyện Đ, bưu điện, làm việc tại UBND xã Đ và Công an huyện Đ; chi phí gửi chuyển phát nhanh. Từ khi phát sinh tranh chấp đến nay vợ chồng ông C là người trực tiếp sử dụng đất. Kể từ thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ ông Ma Seo N khẳng định không còn tranh chấp đất với vợ chồng ông C về diện tích đất trên, tuy nhiên ông C không rút yêu cầu khởi kiện với lý do muốn có phán quyết của Tòa án về tranh chấp đối với vụ án.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Ma Seo N trình bày: Diện tích tranh chấp giữa ông và ông C là 01 thửa có tứ cận: phía đông giáp đường nhựa dài khoảng 70m; phía tây giáp nghĩa địa dài khoảng 30m; phía nam giáp đất ông Ch; phía bắc giáp đất DT. Trên đất ông C đã trồng khoảng 500 cây cà phê vào khoảng năm 2011 – 2012. Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông N mua lại của ông Cư Seo P (hay Cư A P) năm 2003 giá 360.000 đồng (trả cho ông P tiền công khai hoang). Khi mua chỉ nói miệng với nhau và khi giao tiền cho ông P có ông Thào A H1 (hay Thào Seo H1) chứng kiến. Sau khi mua đất được khoảng 1, 2 tháng ông N vào đất phát dọn để canh tác thì ông Kháng A N1 không cho làm (ông N1 là thôn phó) và đã giao cho ông C diện tích đất trên. Do không hiểu biết nên ông N không có ý kiến gì về việc ông N1 giao đất cho ông C, hiện nay ông N yêu cầu ông C phải

trả lại diện tích đất trên. Kể từ thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ ông N đã khẳng định không còn tranh chấp đối với vợ chồng ông C về diện tích đất trên, ông C được quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSDĐ đã được cấp; việc ông C không rút yêu cầu khởi kiện là quyền của ông C, ông không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại ông N không đồng ý vì việc bỏ ra các chi phí trên là quyền của ông C nên ông C tự chịu.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết tranh chấp cũng như tại phiên tòa, nguồn gốc đất đã được làm rõ là của ông Kháng A C đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BS 300552 ngày 27/11/2013; ông N cũng đã thừa nhận diện tích đất trên là của ông C. Vì nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện nên các trợ giúp viên pháp lý tôn trọng ý kiến của nguyên đơn và đề nghị HĐXX căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Kiểm sát quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã thực hiện cơ bản đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại phiên họp và phiên hòa giải. Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Căn cứ giấy chứng nhận QSDĐ đã được UBND huyện Đ cấp cho vợ chồng ông C đối với diện tích đất tranh chấp và khẳng định của ông N về việc không còn tranh chấp; các khoản nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt là do nguyên đơn tự thực hiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi đang là người trực tiếp sử dụng đất. Vì vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án yêu cầu buộc bị đơn chấm dứt hành vi chiếm đất và bồi thường thiệt hại nên tranh chấp giữa các đương sự là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*" theo quy định tại khoản 6 và khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại thôn 1, xã Đ, huyện Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

[2]. Về nguồn gốc đất tranh chấp: Năm 2001, ông Kháng A C được giao một lô đất với chiều ngang theo mặt đường là 20m, không xác định chiều dài lô đất; vợ chồng ông C được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BS 300552 ngày 27/11/2013 mang tên Kháng A C và Sùng Thị D có diện tích 1.546m^2 thuộc thửa đất số 41 tờ bản đồ số 6.

[3]. Diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự: Theo đơn khởi kiện và kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất tranh chấp là 1.546m^2 thuộc thửa đất số 41 tờ bản đồ số 6 có tứ cận: Phía đông giáp đường nhựa, phía tây giáp đất nghĩa địa, phía nam giáp đất ông M, phía bắc giáp đất ông Ch; diện tích đất tranh chấp thực tế vợ chồng ông C đang sử dụng trùng với giấy chứng nhận QSDĐ đã được cấp, qua đó xác định: Diện tích đất tranh chấp là nguyên thửa đất số 41 tờ bản đồ số 6 có diện tích đất là 1.546m^2, có tứ cận: Phía đông giáp đường nhựa dài 23,49m, phía tây giáp thửa 40 dài 24,86m, phía nam giáp thửa 46 dài 74,21m, phía bắc giáp thửa 34 dài 59,81m.

Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất do vợ chồng ông C tạo lập gồm có: Nhà chính: Diện tích: 5m x 4m = 20 m^2; kết cấu: Khung gỗ tròn (gỗ keo), mái lợp tôn, cách thưng ván, nên đất. Mái hiên: diện tích 2.5m x 4m = 9m^2, kết cấu khung gỗ tròn (gỗ keo), mái lợp tôn, nên đất, không thưng. Nhà bếp: diện tích 2m x 4m = 8m^2; kết cấu: Khung gỗ tròn (gỗ keo), mái lợp tôn, cách thưng ván, nên đất. Cây trồng trên đất: Cà phê 145 cây trồng năm 2007; trong đó: Loại B: 87 cây; loại C: 50 cây, loại D 8 cây; 02 cây ổi trồng năm 2016; 01 cây Xoài trồng năm 2016; 01 cây Bơ trồng năm 2007 loại D. Giá trị của các tài sản trên là 67.732.201 đồng.

Ông Ma Seo N cho rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do ông nhận chuyển nhượng nhưng không có tài liệu chứng cứ, chứng minh. Mặt khác, sau khi xem xét thẩm định tại chỗ ông N thừa nhận diện tích đất tranh chấp là của ông C và khẳng định không còn tranh chấp với ông C đối với diện tích đất nêu trên. Các đương sự đều thừa nhận việc ông C được giao đất, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về yêu cầu ông Ma Seo N chấm dứt hành vi chiếm đất và yêu cầu trả lại đất: Quyền sử dụng đất của ông Kháng A C và bà Sùng Thị D đối với 1.546m^2 thuộc thửa đất số 41 tờ bản đồ số 6 đã được UBND huyện Đ công nhận tại giấy chứng nhận QSDĐ số BS 300552 ngày 27/11/2013 mang tên Kháng A C và Sùng Thị D. Vì vậy, vợ chồng ông C là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất nêu trên theo quy định tại Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166 của Luật đất đai năm 2003. Từ khi sử dụng đất đến nay vợ chồng ông C vẫn là người sử dụng đất, ông N có thể hiện ý kiến về việc tranh chấp đất nhưng không sử dụng đất

trên thực tế. Hiện nay ông N đã khẳng định không còn tranh chấp với vợ chồng ông C về diện tích đất trên nhưng ông C không rút yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, yêu cầu của ông C về chấm dứt hành vi chiếm đất và yêu cầu trả lại đất là không phù hợp với thực tế nên không chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả 4.242.092 đồng gồm các khoản: Thu nhập bị mất trong 19 ngày đi gửi đơn tại Tòa án, UBND huyện Đ, bưu điện, làm việc tại UBND xã Đ và Công an huyện Đ; chi phí gửi chuyển phát nhanh. Do ông N chưa chiếm đất và sử dụng đất tranh chấp trên thực tế, ông C tự quyết định thực hiện việc khiếu nại, khởi kiện nên ông C phải chịu các khoản thiệt hại nêu trên. Vì vậy, yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông C đối với 4.242.092 đồng là không có căn cứ và không phù hợp nên không chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản) là 5.572.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông Kháng A C không được chấp nhận nên ông C phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, được trừ vào số tiền 5.572.000 đồng ông C đã nộp.

[6]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Kháng A C không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đối với tranh chấp quyền sử dụng đất và 300.000 đồng đối với tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Tuy nhiên, ông Kháng A C thuộc diện hộ nghèo và là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên ông C được miễn án phí. Nghĩa vụ chịu án phí và được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6, 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Luật đất đai năm 2003; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kháng A C về việc buộc ông Ma Seo N chấm dứt hành vi chiếm đất, trả lại đất đối với diện tích đất 1.546m^2 thuộc thửa đất số 41 tờ bản đồ số 6 có, có tứ cận: Phía đông giáp đường nhựa dài

23,49m, phía tây giáp thửa 40 dài 24,86m, phía nam giáp thửa 46 dài 74,21m, phía bắc giáp thửa 34 dài 59,81m.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kháng A C về việc buộc ông Ma Seo N bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả đối với số tiền 4.242.092 (*bốn triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn*) đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Kháng A C phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 5.572.000 (*năm triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền 5.572.000 (*năm triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn*) đồng tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

3. Về án phí: Miễn nộp án dân sự sơ thẩm đối với ông Kháng A C.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Văn Tuân